

**QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM
VÀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo như sau:

Ngày 04/4/2022, bà Nguyễn Thị M – là bị đơn nộp đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đồ 299 đo đạc năm 1986 và quan điểm của UBND xã Đ để quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị Đ1 và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà là không có căn cứ vì: theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2007 tổng diện tích đất của gia đình bà Đ1 tăng 248 m² so với bản đồ 229, đất giao thông (ngõ xóm) không thuộc thửa đất của bà Đ1; hiện nay gia đình bà không có lối đi nào khác ngoài lối đi ra ngõ xóm vì vị trí cổng cũ gia đình bà đã xây nhà nhờ từ và cũng không thể mở lối đi qua đất ao như Tòa án sơ thẩm đã nhận định.

XÉT THẤY:

* Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Duy S, anh Phan Duy S1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Đ1 trình bày:

- Chồng bà Phan Thị Đ1 là ông Phan Duy Q, sinh năm 1942, đã hy sinh năm 1969.

- Toàn bộ diện tích đất bà Đ1 và các con của bà đang sử dụng tại thôn Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình là bố mẹ đẻ của ông Q để lại. Theo tờ bản đồ số 05 bản đồ 299 đo đạc năm 1986 thửa đất có số thửa 158 (sau đây viết tắt là thửa 158) diện tích 510m², liền kề với thửa đất của ông B1, bà M. Gia đình ông B1, bà M có ngõ đi thẳng đường giao thông, giáp đất ngõ của gia đình bà Đ1.

- Năm 2007, bà Đ1 tách thửa 158 thành 02 thửa gồm: Thửa số 195, tờ bản

đồ số 6, thôn Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình có diện tích 330,7m² đứng tên vợ chồng anh Phan Duy S và chị Trần Thị T; thửa số 196, tờ bản đồ số 6 có diện tích 427,3m², thửa số 196 đứng tên bà Phan Thị Đ1 và anh Phan Duy S1, gia đình bà có để lại 1 phần đất rộng khoảng 2,5m, dài khoảng 16m giáp đất của gia đình ông B1, bà M để làm ngõ đi vào hai thửa 195 và 196.

- Năm 2014, gia đình ông B1 bà M xây dựng lại nhà ở và muốn mở ngõ mới. Ông B1 có sang gia đình bà Đ1 hỏi mua một phần đất dài khoảng 5m ở đầu ngõ nhưng gia đình bà Đ1 không bán. Sau đó, ông B1 lại hỏi đi nhờ, gia đình bà Đ1 đã đồng ý cho ông B1 đi nhờ ngõ với điều kiện khi nào gia đình bà Đ1 cần sử dụng đất ngõ đó thì gia đình ông B1 phải trả.

- Do gia đình ông B1 tôn nền sân cao hơn so với ngõ và đất của gia đình bà Đ1 khoảng 01m làm cho nước sinh hoạt, nước rửa sân nhà ông B1 tràn sang đất của gia đình bà Đ1 ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt của gia đình bà Đ1 nên bà Đ1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất làm ngõ đi thuộc quyền sử dụng đất của bà Đ1; xác định ranh giới phần đất làm ngõ đi của gia đình bà Đ1 với đất của gia đình ông B1; không cho gia đình ông B1 sử dụng ngõ đi chung của gia đình bà Đ1.

- Nay ông S và ông S1 vẫn không rút yêu cầu khởi kiện.

- Ông S giao nộp bổ sung cho Tòa án cấp phúc thẩm các tài liệu sau:

+ 01 Bản photocopy “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất” ngày 10/6/1985 của bà Phan Thị Đ1 có xác nhận của UBND xã Đ: “Sao y đơn đăng ký quyền sử dụng đất hộ gia đình ông Phan Duy Q (Đ1) Đới 6, thôn Đồng Phúc, xã Đ, Đăng ký ngày 10/6/1985. Hồ sơ đang lưu trữ tại UBND xã Đ”. Nội dung đơn thể hiện: bà Đ1 kê khai thửa đất đang sử dụng là thửa 158 diện tích 510 m² nhưng chưa được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã duyệt; không có ý kiến của UBND huyện.

+ 01 bản photocopy mảnh bản đồ (có đóng dấu quốc huy của UBND xã Đ ở góc bên trái) có thể hiện thửa đất số 158 diện tích 510m² loại đất (T);

+ 01 Văn bản số 122/VPĐKĐĐTĐB-CNTTTLT ngày 24/6/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thái Bình cung cấp thông tin thửa đất hiện thửa số 158 diện tích 510m², thửa số 159 diện tích 425m², bản đồ 299, xã Đ, huyện H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị M và anh Trần Đình T1, anh Trần Đình T2 là người đại diện theo ủy quyền của ông B1, bà M trình bày:

- Thửa đất hiện nay ông B1, bà M đang sử dụng tại thôn Đ1, huyện H là do mẹ đẻ ông B1 là Đình Thị N mua của cụ S từ năm 1962, cụ N đã để lại thừa kế cho vợ chồng ông B1.

- Thời điểm cụ N mua đất của cụ S thì ngõ xóm từ đường trục thôn vào đến nhà bà Đ1 đã có sẵn, được chia thành 2 đoạn:

+ Đoạn 1: từ trục thôn đến giáp đất của gia đình ông B1 và đất của gia đình ông T3 rộng khoảng 2m, dài khoảng 40m, hai bên là diệc mạ;

+ Đoạn 2 rẽ phải từ đất của gia đình ông B1 đến đất bà Đ1 rộng khoảng hơn 5m dài khoảng 15m;

Có 3 hộ gia đình sử dụng ngõ xóm, tính từ ngoài vào gồm có: gia đình ông T3, gia đình ông B1 và gia đình bà Đ1 ở cuối ngõ.

- Sau đó, UBND xã đã cấp đất diệc mạ ở ven đường trục thôn cho một số hộ gia đình làm nhà ở. Hộ ông H1 được cấp mảnh đất diệc mạ ở phía bên phải đường giao thông xóm, ông H1 làm nhà, mở cổng quay ra đường giao thông xóm và cùng sử dụng ngõ xóm; hộ bà T4 được cấp mảnh đất diệc mạ ở phía bên trái đường giao thông xóm; gia đình bà T4 làm nhà ở, và mở cửa ra mặt đường trục thôn, không sử dụng ngõ xóm. Gia đình ông B1 và gia đình ông T3 mở cổng giáp nhau và cùng mở cổng hường thẳng ra đường trục thôn.

- Do đoạn ngõ từ nhà ông B1 đến nhà bà Đ1 rộng hơn 5m, nên năm 1986 ông B1 đã đào hố tời vôi ở phần ngõ giáp đất ông H1, phần còn lại ở cuối ngõ giáp đất bà Đ1 thì gia đình bà Đ1 sử dụng để làm vườn. Khoảng năm 2005, vợ chồng anh S, chị T phá vườn của bà Đ1 để xây chõng chim.

- Năm 2007, UBND xã tiến hành khảo sát, xác định ranh giới, mốc giới thừa đất. Cán bộ địa chính xã là ông Nguyễn Ngọc B có mời ông cùng chị T vợ anh S và bà Đ1 ra nhận ranh giới, mốc giới đất nhà mình; ông B1 thấy chị T nhận phần đất xây chuồng chim ra đến giáp ngõ là của gia đình chị T bao gồm cả phần đất ngõ ông đã đào hố tời nhưng ông B1 không ý kiến gì vì ông B1 thấy phần ngõ còn lại vẫn đảm bảo lối vào cho cả gia đình ông và gia đình bà Đ1. Cán bộ xã chỉ yêu cầu ông B1, bà Đ1 ký vào biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới cho nhau, còn giữa ông và chị Đ1 không phải ký biên bản cho nhau vì không giáp ranh với nhau mà còn cách nhau bởi ngõ xóm. B1 bản xác định ranh giới, mốc giới thừa đất của cả gia đình anh S, gia đình ông B1 và gia đình bà Đ1 đều thể hiện giáp ngõ xóm.

- Năm 2014, gia đình ông B1, bà M phá toàn bộ nhà cũ và tường bao giáp ngõ và giáp đất bà Đ1 để xây nhà và tường bao mới đồng thời dịch cổng về phía Nam khoảng 2m; đoạn tường bao mới giáp ngõ xóm được xây giạt vào 40cm so với tường cũ để mở rộng thêm ngõ xóm như hiện nay, có anh S chứng kiến.

Ngày 09/9/2016, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B1 và bà M, hình thể, kích thước, vị trí thừa đất không có gì thay đổi so với hiện trạng đo đạc năm 2007, có thể hiện ranh giới phía Tây Nam thừa đất giáp đường xóm.

Vì vậy, gia đình bà Đ1 khởi kiện tranh chấp đất đai với gia đình ông B1 là quá vô lý, vì đường xóm là đất giao thông thuộc quyền quản lý của UBND xã, các hộ gia đình trong xóm đều được sử dụng, gia đình bà Đ1 không có quyền cấm gia đình ông B1 sử dụng đất giao thông; nay ông B1, bà M rút yêu cầu phản tố vì ông bà thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, gia đình ông B1 đương nhiên được sử dụng.

- Anh Trần Đình T2 giao nộp bổ sung cho Tòa án cấp phúc thẩm các tài liệu sau:

+ 01 Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 099668 ngày 09/9/2016 của UBND huyện H ghi tên Người sử dụng đất là ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị M; thửa đất số 197; Tờ bản đồ số 6; địa chỉ; thôn Đ1, huyện H; diện tích: 408,8m²; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; Sơ đồ thửa đất thể hiện ranh giới phía Tây Nam thửa đất dài 15,75m giáp đường xóm.

+ 01 Bản photocopy Hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 14 tờ có đóng dấu của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H ở góc trên phía bên trái tài liệu.

+ 01 Văn bản số 129/VPĐKĐĐTĐB-CNTTTLT ngày 01/7/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thái Bình cung cấp thông tin thửa đất số 2442 và 2443 tờ bản đồ số 3 bản đồ 241 năm 1991 xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ 01 Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai do UBND xã Đ lập hồi 14 giờ ngày 25/7/2014, nội dung hòa giải về tranh chấp ranh giới thửa đất giữa gia đình ông Phạm Văn T3 và gia đình ông B1.

+ 01 Bản photocopy bản đồ 2007 có xác nhận của UBND xã Đ “Trích sao y bản đồ hiện trạng 2007 khu dân cư thôn Đ1”, thể hiện: đường xóm từ ngã tư đường trục thôn vào đến thửa 195.

+ 01 Trích lục Sổ bộ thuế sử dụng phi nông nghiệp, thể hiện: hộ ông Trần Đình B1 phải nộp thuế đối với diện tích đất 480,6m² là 43.254 đồng nhưng được miễn toàn bộ.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn không có quyền khởi kiện tranh chấp đất giao thông (đường xóm); bị đơn rút yêu cầu phản tố đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 308 và khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự; tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình và đình chỉ giải quyết vụ án.

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập; lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp bổ sung, qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Về diện tích đất đường, ngõ đi mà bà Phan Thị Đ1 khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định thuộc quyền sử dụng của gia đình bà, theo bản đồ 299 đo đạc, kiểm kê, phân hạng đất đai năm 1986 thì ngõ đi này thuộc thửa số 158 diện tích 510m², không giáp đất giao thông; hiện nay cơ quan quản lý đất đai không lưu trữ được Sổ mục kê bản đồ 299; theo Bản đồ 241 đo đạc năm 1991 thì phần ngõ đi này thuộc thửa 2443 tờ bản đồ số 3 sổ mục kê ghi tên người sử dụng đất là Trần Đình B1,

đường giao thông kéo dài từ đường trục thôn đến thửa 2443 còn thửa đất 2442 diện tích 486m² ghi tên bà Phan Thị Đ1 bị vây bọc bởi thửa 2443; bản đồ địa chính năm 2007, ngõ đi này được đo vẽ theo hiện trạng sử dụng như hiện nay; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 099668 ngày 09/9/2016 của UBND huyện H cấp cho ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị M ghi rõ là “Đường xóm”.

Theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thì đường/ngõ xóm là đường giao thông nông thôn thuộc quyền quản lý của UBND xã Đ.

Khoản 24 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “ *Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hay nhiều bên trong quan hệ đất đai*”.

Bà Phan Thị Đ1 chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nên không phải là người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai.

Đối chiếu với quy định trên, cho thấy, đây không phải là “*Tranh chấp đất đai*” nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về yêu cầu của bị đơn: Yêu cầu được sử dụng đất giao thông của ông B1, bà M để làm lối đi cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án dân sự “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và ban hành bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 22/3/2022 là không đúng thẩm quyền.

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 điều 217, khoản 4 Điều 308 và Điều 311, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, Thái Bình, tỉnh Thái Bình và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/DSPT ngày 10/5/2022 về việc “*Tranh chấp đất đai*” giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Đ1** sinh năm 1942; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ1: anh Phan Duy S, sinh năm 1961 và anh Phan Duy S1 sinh năm 1964; đều có địa chỉ tại: thôn Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ1: ông Vũ Ngọc T5— Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

* Bị đơn: ông **Trần Đình B1** sinh năm 1954 và bà **Nguyễn Thị M** sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B1 và bà M: anh Trần Đình T1 sinh năm 1982; địa chỉ: CHB3001, Tòa nhà T6, số 109 N1, phường N2, quận T7, Thành phố Hà Nội và anh Trần Đình T2 sinh năm 1984; địa chỉ: Phòng 3816, R4, G, 136

H2, quận B2, Thành phố Hà Nội.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Anh Phan Duy S sinh năm 1961;
- + Chị Trần Thị T sinh năm 1961;
- + Anh Phan Duy S1 sinh năm 1964;
- + Chị Trần Thị M1 sinh năm 1972;
- + Chị Phan Thị L sinh năm 1968;

Đều có địa chỉ tại: thôn Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí:

- Ông B1, bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm;

- Trả lại bà Nguyễn Thị M 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0003502 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/7/2022.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh